

Bản án số: 201/2023/DS-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3711/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4471/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Ngô Minh T, trú tại: Xã Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 11 năm 2022).

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Anh D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Ngô Minh T- Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 08/3/2021, Bà Phan Thị Bích N và Ông Huỳnh Anh D có ký kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Trần Quốc Phòng- Thành phố Hồ Chí Minh, hợp đồng số 002140. Theo đó, Ông D có vay của Bà N số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 08 (Tám) tháng, vay không có lãi.

Vào ngày 04/6/2021, Bà N và Ông D có ký kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Trần Quốc Phòng- Thành phố Hồ Chí Minh, hợp đồng số 005769. Ông D vay của Bà N số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất 1%/tháng.

Theo như thỏa thuận trong hợp đồng vay 002140 ngày 08/3/2021, từ 08/3/2021 đến ngày 08/11/2021 Ông D không phải trả lãi theo như hợp đồng nhưng sau khi quá hạn thanh toán thì tiền lãi phát sinh từ 08/11/2021 đến ngày khởi kiện là 13 tháng, số tiền lãi Ông D phải thanh toán là 21.666.000 đồng theo quy định về lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Trong hợp đồng vay số 005769 ngày 04/6/2021, Ông D phải thanh toán lãi 08 tháng đầu là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) và lãi phát sinh do trễ hạn thanh toán 10 tháng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tổng là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Ông D đã không trả nợ cho Bà N và đã gây cho Bà N nhiều khó khăn, thiệt hại.

Do vậy, nay Bà N yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết như sau:

Buộc Ông D phải thanh toán số nợ gốc và lãi phát sinh trong hai hợp đồng: Hợp đồng ngày 08/3/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 221.666.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 21.666.000 đồng;

Hợp đồng ngày 04/6/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 246.000.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 46.000.000 đồng;

Tổng số tiền Ông D phải thanh toán là: 467.666.000đ (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Yêu cầu Ông D thanh toán toàn bộ một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đối với Bị đơn- Ông Huỳnh Anh D:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết

định hoãn phiên tòa... nhưng Ông D không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Phan Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Huỳnh Anh D trả tổng số tiền 467.666.000 đồng. Ông D là Bị đơn, cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng vay tiền số 002140 ngày 08/3/2021 và Hợp đồng vay tiền số 005769 ngày 04/6/2021 với tổng số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 08/3/2021, Bà N và Ông D có thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền số 002140, nội dung:

Bà N (địa chỉ: Bình Khánh, Bình Phú, Gò Công Tây, Tiền Giang) cho Ông D (địa chỉ: Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 200.000.000 đồng; thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất: Không; Ông D có nghĩa vụ trả lại đầy đủ số tiền đã vay theo thỏa thuận và phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nếu không thể trả nợ đúng hạn hoặc trả không đầy đủ... Cùng ngày 08/3/2021, Bà N đã chuyển vào tài khoản của Ông D tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 200.000.000 đồng như thỏa thuận.

Ngày 04/6/2021, Bà N và Ông D có thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền số 005769, nội dung:

Bà N (địa chỉ: Bình Khánh, Bình Phú, Gò Công Tây, Tiền Giang) cho Ông D (địa chỉ: Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 200.000.000 đồng; thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày 04/6/2021; phương thức trả tiền vay: Trả một lần khi kết thúc thời hạn vay; lãi suất: 1%/tháng; Ông D thanh toán lãi cho Bà N mỗi tháng một lần vào ngày 05 dương lịch của mỗi tháng; Ông D có nghĩa vụ trả lại đủ số tiền đã vay và lãi cho Bà N theo thỏa thuận và phải trả tiền lãi cho Bà N khi đến hạn mà không trả hoặc trả không đầy đủ, cụ thể:

Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả... Cùng ngày 04/6/2021, Bà N đã chuyển vào tài khoản của Ông D tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 200.000.000 đồng như thỏa thuận.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông D, nhưng Ông D không đến Tòa để giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Bà N, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; do đó, các yêu cầu trên của Bà N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, cần buộc Ông D phải trả ngay cho Bà N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo hai hợp đồng vay tiền nói trên, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của Bà N về việc buộc Ông D trả tiền lãi của Hợp đồng vay tiền số: 002140 ngày 08/3/2021 và Hợp đồng vay tiền số: 005769 ngày 04/6/2021.

Tại Bản tự khai ngày 27/6/2023 nộp cho Tòa án, Nguyên đơn xác nhận:

Đối với Hợp đồng vay tiền số: 002140 ngày 08/3/2021, Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày Ông D vi phạm các nghĩa vụ đến ngày Tòa án xét xử (30/6/2023) với số tiền là 21.666.000 đồng và tiền lãi của Hợp đồng vay tiền số 005769 ngày 04/6/2021 từ ngày Ông D vi phạm các nghĩa vụ đến ngày Tòa án xét xử (30/6/2023) là 46.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy, việc tính lãi của Nguyên đơn có lợi cho Bị đơn và là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Trong vụ án này, Ông D không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Phan Thị Bích N.

Buộc Ông Huỳnh Anh D phải trả ngay cho Bà Phan Thị Bích N số tiền 467.666.000đ (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng vay tiền số 002140 ngày 08/3/2021, tiền nợ gốc phải trả: 200.000.000 đồng, tiền lãi phải trả: 21.666.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đối với Hợp đồng vay tiền số 005769 ngày 04/6/2021, tiền nợ gốc phải trả: 200.000.000 đồng, tiền lãi phải trả: 46.000.000 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền số 005769 ngày 04/6/2021.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 22.706.640đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Bà Phan Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà N số tiền 11.533.320đ (Mười một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0018281 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh